TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày: 27/11/ 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh
2. Bà Trịnh Thị Phương

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Minh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2024/TLST-HS ngày 25/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HS ngày 13/11/2024 đối với bị cáo:

Kiều Văn T, sinh ngày 20/9/1975 (CCCD 038075003448). Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 04/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Kiều Văn Ơ và bà Phan Thị B (đã chết); vợ: Đới Thị T, có 02 con. Tiền án: Ngày 19/11/2019 Toà án nhân dân huyện Q xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/3/2020, chấp hành xong phần THADS ngày 22/4/2020). Ngày 31/12/2021 Toà án nhân dân huyện Q xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2023, chấp hành xong phần THADS ngày 19/4/2022). Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 23/01/1997 Toà án nhân dân huyện Q xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Gây rối trật tự công cộng" và "Cố ý gây thương tích". (đã xóa án tích). Ngày 06/08/1998 Toà án nhân dân huyện Q xử phạt 06 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" (đã xóa án tích). Ngày 04/03/2003 Toà án nhân dân huyện Q xử phạt 24 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" (đã xóa án tích). Ngày 25/7/2007 Toà án nhân dân huyện Q xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xóa án tích). Ngày 20/6/2013 bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục -LĐXH tỉnh Thanh Hóa (chấp hành xong ngày 12/6/2015). Ngày 15/11/2017 Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" số tiền 1.500.000đ (chấp hành xong ngày 18/12/2017).Tạm giữ từ ngày 18/7/2024 đến ngày 21/7/2024 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

**** Bị hại:*** Chị Lê Thị H, sinh ngày 28/9/1987 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02h30’ ngày 18/7/2024, do không có tiền tiêu xài nên Kiều Văn T SN1975 (trú ở thôn B, xã Q, huyện Q) đã cầm theo 01 đèn pin (loại đội đầu), đi bộ dọc các đường trong thôn thuộc xã Q, huyện Quảng Xương tìm nhà dân sở hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà chị Lê Thị H, trú ở thôn B, xã Q, huyện Quảng Xương phát hiện nhà không có cửa cổng nên T đi vào, rồi vòng vào sân ra phía sau nhà (do cửa chính vào gian phòng khách khóa) thấy cửa phụ nối giữa nhà bếp và nhà chính không khóa, cửa mở hé T mở cửa đi vào bên trong nhà chính, đến phòng ngủ ở phía Nam thấy chị H và hai con đang ngủ, T bật đèn pin chiếu, quan sát xung quanh nhưng không thấy có tài sản gì nên T đi sang phòng ngủ phía Bắc. Tại đây, T lục vào túi áo dạ màu ghi xám treo trên móc tường lấy được 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại, T bỏ chiếc nhẫn vào túi quần phải đang mặc và tiếp tục đi ra gian phòng khách thì phát hiện có 01 chiếc chìa khóa xe máy để trên bàn uống nước. T lấy chìa khóa rồi đi xuống khu bếp, thấy 01 xe mô tô Lead, mở cốp xe phát hiện có 01 cọc tiền được buộc bằng dây chun gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000đ và 50.000đ. T lấy toàn bộ số tiền bỏ vào túi quần phải, sau đó rút chìa khóa để lại trên yên xe rồi đi theo đường cũ đi về nhà. Về đến nhà, T lấy tiền ra đếm thì được 7.000.000đ (bảy triệu đồng), số tiền này T đã chi cá nhân hết. Còn chiếc nhẫn Toàn cất giấu tại chậu rửa bát đặt tại gian bếp nhà T.

Sáng ngày 18/7/2024 chị Lê Thị H phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã đến Công an xã Q, huyện Quảng Xương trình báo sự việc. Tài sản bị mất trộm gồm 7.000.000đ tiền mặt và 01 chiếc nhẫn tròn, màu vàng, bằng kim loại, đường kính 2,2cm, mặt trên của chiếc nhẫn được gắn 01 viên đá hình bầu dục màu xanh, kích thước (1,5x1)cm mua đầu năm 2024 với giá 200.000đ.

Đến 14h00’ ngày 18/7/2024 nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết không thể trốn tránh nên T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đầu thú. Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của T, thu giữ:

+ 01 chiếc đèn pin, màu đen, kích thước (6x5)cm, phần đầu đèn pin hình tròn, màu vàng, đường kính 5cm, có ký hiệu “THIẾT BỊ ĐIỆN G8” mà Toàn sử dụng đến gia đình chị Lê Thị H trộm cắp tài sản;

+ 01 chiếc nhẫn tròn, màu vàng, bằng kim loại, đường kính 2,2cm, mặt trên của chiếc nhẫn được gắn 01 viên đá hình bầu dục màu xanh, kích thước (1,5x1)cm, mặt trong chiếc nhẫn có ký hiệu HP10K.

* Tại bản Kết luận giám định số 02/DNTH ngày 19/7/2024 của Doanh nghiệp tư nhân vàng bạc T kết luận:

01 chiếc nhẫn tròn, màu vàng, bằng kim loại, đường kính 2,2cm, mặt trên của chiếc nhẫn được gắn 01 viên đá hình bầu dục màu xanh, kích thước (1,5x1)cm, mặt trong chiếc nhẫn có ký hiệu HP10K gửi giám định có trọng lượng 5 chỉ, là trang sức Mỹ ký, không phải là vàng.

* Tại bản Kết luận định giá số 27/UBND-HĐĐGTS ngày 20/9/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận:

Giá trị tài sản vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 18/7/2024 tại thôn B, xã Q, huyện Quảng Xương có giá trị được định giá là 15.000đ (mười lăm nghìn đồng).

* Đối với vật chứng là 01 chiếc nhẫn tròn, màu vàng, bằng kim loại, đường kính 2,2cm, mặt trên của chiếc nhẫn được gắn 01 viên đá hình bầu dục màu xanh, kích thước (1,5x1)cm, mặt trong chiếc nhẫn có ký hiệu HP10K nêu trên. Đây là tài sản T trộm cắp của nhà chị Lê Thị H. Ngày 03/10/2024 cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 1140/QĐ-ĐCSHS bằng hình thức trả lại cho chị H.

* Đối với 01 chiếc đèn pin, màu đen, kích thước (6x5)cm, phần đầu đèn pin hình tròn, màu vàng, đường kính 5cm, có ký hiệu "THIẾT BỊ ĐIỆN G8" mà Toàn sử dụng đến gia đình chị Lê Thị H trộm cắp tài sản. Đây là công cụ Toàn sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về dân sự: Kiều Văn T đã tác động tới gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) mà Toàn trộm cắp được cho chị Lê Thị H. Chị Lê Thị H là bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản là 01 chiếc nhẫn và 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 60/CT-VKSQX ngày 24/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Kiều Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt từ 30 đến 33 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của chị Lê Thị H tài sản bị trộm cắp chị đã nhận lại đầy đủ, đề nghị công nhận bị hại chị Lê Thị H đã nhận lại đầy đủ tài sản.

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc đèn pin, màu đen, kích thước (6x5)cm, phần đầu đèn pin hình tròn, màu vàng, đường kính 5cm, có ký hiệu "THIẾT BỊ ĐIỆN G8" Toàn sử dụng đến gia đình chị Lê Thị H trộm cắp tài sản. Đây là công cụ phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà hôm nay: Lời khai của bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ được thu thập phản ánh trong hồ sơ, đủ cơ sở chứng minh: Vào 02h30’ ngày 18/7/2024 tại nhà chị Lê Thị H ở thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Kiều Văn T đã lợi dụng đêm tối, chị Lê Thị H cùng các con ngủ say đã lén lút đột nhập vào nhà trộm 01 chiếc nhẫn mỹ ký có giá trị 15.000đ (mười lăm nghìn đồng) và 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền mặt, sau đó chi tiêu cá nhân hết. Do bị cáo đang có 02 tiền án chưa xoá, phạm tội lần này thuộc tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm”. Nên tại phiên toà Viện kiểm sát luận tôi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo Toàn có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm g khoản 2 điều 173 BLHS.

[3]. Tính chất vụ án: Đây là vụ án trộm cắp tài sản được thực hiện vào ban đêm, bị cáo lợi dụng đêm tối, gia đình đã ngủ say, sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã tiếp cận, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an khu vực, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải được xử lý nghiêm minh.

[4].Về nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhưng không chịu làm ăn lao động chính đáng, sống thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, laovào con đường phạm tội. Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần xét xử với nhiều tội khác nhau đã được xóa án, hiện nay đang có 02 tiền án chưa xoá lại tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm”, chứng tỏ bị cáo không chịu cải sửa, xem thường pháp luật. Với tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, thì việc tiếp tục phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo một phần vì thành khẩn khai báo, ra đầu thú, đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại, bị cáo có bố đẻ là thương binh 1/4 được qui định tại điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không thu nhập, sau khi phạm tội và hiện nay không có tài sản thu nhập gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của chị Lê Thị H tài sản bị trộm cắp là 01 chiếc nhẫn tròn, màu vàng, bằng kim loại, đường kính 2,2cm, mặt trên của chiếc nhẫn được gắn 01 viên đá hình bầu dục màu xanh và 7.000.000đ tiền mặt, chị đã nhận lại đầy đủ, không có ý kiến thắc mắc gì, nên công nhận chị H đã nhận lại đầy đủ tài sản.

[7]. Về vật chứng: Đối với 01 chiếc đèn pin, màu đen, kích thước (6x5)cm, phần đầu đèn pin hình tròn, màu vàng, đường kính 5cm, có ký hiệu “THIẾT BỊ ĐIỆN G8” mà Toàn sử dụng đến gia đình chị Lê Thị H trộm cắp tài sản. Đây là công cụ phạm tội, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên bố: Kiều Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản ".

- Xử phạt: Kiều Văn T 30 (ba mươi) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/7/2024

- Công nhận chị Lê Thị H đã nhận lại đầy đủ tài sản

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc đèn pin, màu đen, kích thước (6x5)cm, phần đầu đèn pin hình tròn, màu vàng, đường kính 5cm, có ký hiệu "THIẾT BỊ ĐIỆN G8" (hiện tang vật đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2024)

* Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Thi hành án DS huyện Q;
- Toà án tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Bùi Thị Huyền